

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Nhà nước số 104033 ngày 15/04/1993 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung được chuyển đổi thành Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ-BTS ngày 28/09/2006 của Bộ Thủy sản và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3203001240 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 0400100778 ngày 20/01/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn Điều lệ của Công ty: **75.600.000.000** đồng (*Bảy mươi lăm tỷ, sáu trăm triệu đồng*).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Mua bán thủy, hải sản. Chế biến thủy; hải sản xuất khẩu. Sản xuất thức ăn nuôi tôm, cá gia cầm, gia súc; dịch vụ các loại sản phẩm, vật, thuốc, hoá chất cho ngành nuôi trồng thủy sản. Cung ứng vật tư cho ngành thủy sản. Bán buôn, bán lẻ các mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản, đặc sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng. Đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà và văn phòng. Dịch vụ cho thuê kho, dịch vụ vận chuyển hàng hoá. Kinh doanh vật liệu xây dựng, hoá chất độc hại và sản phẩm có hoá chất độc hại, các mặt hàng thiết bị điện, điện tử, điện lạnh. Kinh doanh xe ô tô và xe máy các loại. Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật.

Địa chỉ: Số 261-263 Phan Chu Trinh - TP. Đà Nẵng

Tel: (84 - 511) 3 821 436/4515 Fax: (84 - 511) 3 823 769

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Tấn Tâm	Chủ tịch	
Ông Lê Hồng Sơn	Thành viên	
Ông Thái Bá Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Dũng	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 19/4/2010)
Ông Lý Tiết Dũng	Thành viên	
Ông Lê Công Đức	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 19/4/2010)

Ban Giám đốc

Ông Trần Tấn Tâm	Tổng giám đốc	
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Dũng	Phó Tổng giám đốc	(Từ nhiệm ngày 04/2/2010)
Ông Nguyễn Danh Uy	Phó Tổng giám đốc	
Ông Thái Bá Nam	Phó Tổng giám đốc	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG



Trần Tấn Tâm

Tổng giám đốc

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2011



Số : 15.1...-11/BC/TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010
của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2010 được lập ngày 03 tháng 03 năm 2011 của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 37 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung.

Cơ sở đưa ra ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán là Báo cáo riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung cho năm tài chính 2010:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam

Chúng tôi xin lưu ý: Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” để hạch toán chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh. Thuyết minh tại mục 2 phần II trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp mô tả ảnh hưởng nếu Công ty lựa chọn áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

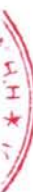
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		457.950.680.412	460.722.145.597
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.989.329.112	15.522.130.005
1 Tiền	111	V.1.	30.989.329.112	15.522.130.005
2 Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.542.586.444	295.374.815.798
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.1.1	253.711.250.540	310.095.233.446
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.1.2	20.400.184.108	8.522.980.260
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	2.025.843.808	1.255.010.858
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VIII.1.3	(29.594.692.012)	(24.498.408.766)
IV Hàng tồn kho	140		151.073.531.028	136.294.715.366
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	151.073.531.028	137.049.447.189
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(754.731.823)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		26.345.233.828	13.530.484.428
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	102.464.116
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.832.987.114	13.031.353.229
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	669.799	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.1.4	13.511.576.915	396.667.083
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.605.523.909	86.369.773.768
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		59.566.806.424	69.848.293.768
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	49.286.979.095	61.101.838.708
- Nguyên giá	222		157.347.530.245	158.674.637.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.060.551.150)	(97.572.798.667)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	9.204.098.296	8.732.818.696
- Nguyên giá	228		11.405.997.367	10.934.717.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.201.899.071)	(2.201.899.071)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	1.075.729.033	13.636.364
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8.	16.038.717.485	16.521.480.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.830.000.000	1.830.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		14.208.717.485	14.691.480.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		533.556.204.321	547.091.919.365

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

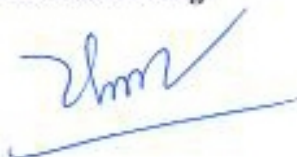
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		428.902.223.383	456.970.518.488
I Nợ ngắn hạn	310		404.869.742.190	420.430.954.830
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	357.982.383.504	366.679.170.213
2 Phải trả người bán	312	VIII.1.5	18.009.158.402	21.357.469.973
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.1.6	1.811.545.266	1.215.297.930
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	6.075.607.069	13.833.141.435
5 Phải trả người lao động	315		15.884.956.385	10.950.111.864
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	2.359.261.404	827.352.448
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	2.737.763.182	4.506.403.818
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.066.978	1.062.007.149
II Nợ dài hạn	330		24.032.481.193	36.539.563.658
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	23.471.789.362	36.079.596.878
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		560.691.831	459.966.780
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		104.653.980.938	90.121.400.877
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	104.653.980.938	90.121.400.877
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.600.000.000	75.600.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	74.545.278
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		7.473.086.626	4.172.619.726
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.182.012.628	749.625.821
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.398.881.684	9.524.610.052
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		533.556.204.321	547.091.919.365

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THUỶ SẢN MIỀN TRUNG

Kế toán trưởng



Trần Như Thiên Mỹ

Tổng giám đốc



Trần Tấn Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15.	1.383.904.141.075	1.378.117.196.290
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16.	2.843.549.420	2.815.962.941
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	1.381.060.591.655	1.375.301.233.349
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	1.264.147.538.760	1.261.271.999.790
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		116.913.052.895	114.029.233.559
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	34.255.296.298	32.728.267.910
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	49.037.522.110	55.385.874.803
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.910.953.498	24.895.209.290
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.1.7	36.943.056.673	32.723.801.644
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.1.8	39.245.796.213	48.186.501.155
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		25.941.974.197	10.461.323.867
11 Thu nhập khác	31	VIII.1.9	2.855.752.844	1.552.508.641
12 Chi phí khác	32	VIII.1.10	2.640.254.919	229.558.864
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		215.497.925	1.322.949.777
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.157.472.122	11.784.273.644
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.283.005.254	1.286.964.203
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22.874.466.868	10.497.309.441
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.026	1.389

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Kế toán trưởng



Trần Như Thiên My

Tổng giám đốc



Trần Tấn Tâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	1		2.159.789.517.151	2.511.075.911.588
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(1.639.050.479.036)	(2.006.854.906.533)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(36.331.715.557)	(26.980.969.402)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(36.758.624.144)	(25.649.919.180)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(904.256.300)	(6.532.512)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		26.790.011.983	133.291.478.835
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(446.352.150.680)	(636.964.949.161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.182.303.417	(52.089.886.365)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.829.434.416)	(1.039.812.105)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.611.747.465	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(875.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		747.000.000	270.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.255.508.965	5.905.408.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.784.822.014	4.260.596.628
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.110.291.651.817	1.295.525.413.294
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.124.594.472.577)	(1.242.096.409.904)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.302.820.760)	53.429.003.390
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		18.664.304.671	5.599.713.653
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.522.130.005	9.975.416.969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(197.105.564)	(53.000.617)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		33.989.329.112	15.522.130.005

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Kế toán trưởng



Trần Như Thiên My

Tổng giám đốc



Trần Tấn Tâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Nhà nước số 104033 ngày 15/04/1993 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung được chuyển đổi thành Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ-BTS ngày 28/09/2006 của Bộ Thủy sản và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3203001240 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 0400100778 ngày 20/01/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn Điều lệ của Công ty: **75.600.000.000 đồng** (Bảy mươi lăm tỷ, sáu trăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thu mua, nuôi trồng, chế biến thủy sản; cung ứng vật tư cho ngành thủy sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, nội thương; Nhập khẩu lâm sản...

3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán thủy, hải sản. Chế biến thủy; hải sản xuất khẩu. Sản xuất thức ăn nuôi tôm, cá gia cầm, gia súc; dịch vụ các loại sản phẩm, vật, thuốc, hoá chất cho ngành nuôi trồng thủy sản. Cung ứng vật tư cho ngành thủy sản. Bán buôn, bán lẻ các mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản, đặc sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng. Đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà và văn phòng. Dịch vụ cho thuê kho, dịch vụ vận chuyển hàng hoá. Kinh doanh vật liệu xây dựng, hoá chất độc hại và sản phẩm có hoá chất độc hại, các mặt hàng thiết bị điện, điện tử, điện lạnh. Kinh doanh xe ô tô và xe máy các loại. Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật.

Công ty có 04 đơn vị thành viên gồm

- Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản miền trung - Công ty Phát triển nguồn lợi Thủy sản
- Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản miền trung - Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang
- Chi nhánh Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung tại TP Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Hà Nội

Địa chỉ: Số 263 Phan Chu Trinh - TP. Đà Nẵng

Tel: (84 - 511) 3 821 436/4515 Fax: (84 - 511) 3 823 769

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Áp dụng chuẩn mực kế toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và tin tưởng việc áp dụng theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty và phù hợp với công văn 518/TCT-CS ngày 14/2/2011 của Tổng cục thuế về việc quyết toán thuế TNDN năm 2010. Nếu Công ty lựa chọn áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính 2010 sẽ giảm đi 2.774.413.636 đồng.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp này được tổng hợp số liệu từ các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản, Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang, Chi nhánh tại Hà Nội, Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)****2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Công ty áp dụng phương pháp thực tế đích danh.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Đầu năm tài chính, Công ty giao chỉ tiêu khấu hao xuống các đơn vị thành viên tùy theo kế hoạch kinh doanh và sản xuất của đơn vị.

Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 12

4.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn và chi phí san lấp mặt bằng.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua trái phiếu, cổ phiếu, hoặc ngày cho vay vốn.

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí kiểm toán năm 2010, chi phí lãi vay,... thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, chi phí hội nghị dự tính phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, cung ứng vật tư cho ngành thủy sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức và doanh thu khác.

- Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Phương pháp trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", cụ thể:

- + Trích lập dự phòng 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + Trích lập dự phòng 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + Trích lập dự phòng 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + Trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty thực hiện việc kê khai và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế. Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 0% đối với doanh thu về hoạt động xuất khẩu hải sản; thuế suất thuế GTGT đầu ra là 5% đối với bán hải sản trong nước, thức ăn tôm, thếp; thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10% đối với doanh thu về hoạt động bán vật tư hàng hoá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	507.807.520	632.701.097
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>73.304.562</i>	<i>387.800.873</i>
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thuỷ sản Thọ Quang</i>	<i>152.313.563</i>	<i>73.859.093</i>
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thuỷ sản</i>	<i>61.571.000</i>	<i>50.509.000</i>
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>77.270.080</i>	<i>76.196.053</i>
<i>Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>143.348.315</i>	<i>44.336.078</i>
Tiền gửi ngân hàng	30.481.521.592	14.889.428.908
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>12.267.062.284</i>	<i>8.882.263.167</i>
Tiền VND	8.215.271.614	7.124.161.604
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu Đà Nẵng</i>	<i>7.324.698</i>	<i>2.089.812</i>
<i>Ngân hàng Eximbank Đà Nẵng</i>	<i>7.141.060</i>	<i>2.029.907</i>
<i>Ngân hàng Công Thương Ngũ Hành Sơn</i>	<i>845.545.700</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng</i>	<i>4.063.778</i>	<i>23.006.363</i>
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>40.688.680</i>	<i>25.628.889</i>
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Đà Nẵng</i>	<i>7.970.007</i>	<i>7.843.148</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng</i>	<i>682.756.294</i>	<i>180.919.860</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT Hà Nội</i>	<i>1.519.203</i>	<i>1.536.886.682</i>
<i>Ngân hàng Ngoại Thương Đà Nẵng</i>	<i>6.561.848.946</i>	<i>5.285.612.438</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế Đà Nẵng</i>	<i>13.519.661</i>	<i>60.144.505</i>
<i>Ngân hàng VID PUBLIC Đà Nẵng</i>	<i>37.990.995</i>	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

<i>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu tiền Giang</i>	519.400	-
<i>Cty CP chứng khoán Đà Nẵng</i>	4.383.192	-
Tiền USD	4.051.790.670	1.758.101.563
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng</i>	21.623.941	16.090.386
<i>Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng</i>	40.038.340	10.941.319
<i>Ngân hàng Ngoại Thương Đà Nẵng</i>	1.550.790.358	1.704.953.862
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế Đà Nẵng</i>	2.242.117	6.775.239
<i>Ngân hàng VID PUBLIC Đà Nẵng</i>	222.334.947	19.340.757
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Ngũ Hành Sơn</i>	2.163.979.663	-
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	5.054.087	-
<i>Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu tiền Giang</i>	45.727.217	-
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	9.755.644.585	1.867.769.827
Tiền VND	5.414.957.654	1.852.506.162
<i>Ngân hàng Á Châu Đà Nẵng</i>	2.883.151	2.883.151
<i>Ngân hàng Phát triển Đà Nẵng</i>	4.501.770.875	1.000.000
<i>Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng</i>	512.228.476	56.267.077
<i>Ngân hàng Vietcombank Đà Nẵng</i>	380.502.537	420.488.655
<i>NH Quốc tế Đà Nẵng</i>	8.061.275	10.857.092
<i>Ngân hàng VID PUBLIC BANK Đà Nẵng</i>	5.667.134	1.361.010.187
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Ngũ Hành Sơn</i>	3.844.206	-
Tiền USD	4.340.686.931	15.263.665
<i>Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng</i>	114.917	5.392.168
<i>Ngân hàng Vietcombank Đà Nẵng</i>	4.332.882.593	5.437.917
<i>Ngân hàng Quốc tế Đà Nẵng</i>	1.918.190	1.801.456
<i>Ngân hàng VID PUBLIC BANK Đà Nẵng</i>	1.766.356	2.632.124
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Ngũ Hành Sơn</i>	4.004.875	-
Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	230.184.182	806.904.090
Tiền VND	230.158.148	806.878.056
<i>Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn</i>	3.750.018	85.213.478
<i>Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Đà Nẵng</i>	1.298.675	52.464.185
<i>Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Hồ Chí Minh</i>	-	994.741
<i>Ngân hàng NN&PTNT - CN Đà Nẵng</i>	111.892.995	602.845.483
<i>Ngân hàng NN & PTNT- Quảng Nam</i>	111.397.026	6.423.086
<i>Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng</i>	1.819.434	58.937.083
Tiền USD	26.034	26.034
<i>Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng</i>	26.034	26.034
Chi nhánh Hà Nội	2.951.300.268	417.226.707
Tiền VND		
<i>Ngân hàng NN&PTNT-CN Thăng Long</i>	2.949.327.552	415.171.041
<i>Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</i>	1.972.716	2.055.666
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	5.277.330.273	2.915.265.117
Tiền VND	5.255.515.308	2.894.390.584
<i>Ngân hàng EXIMBANK - chi nhánh Sài Gòn</i>	2.752.599.991	2.317.113.802
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</i>	2.502.915.317	577.276.782

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

Tiền USD	21.814.965	20.874.533
<i>Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Sở GD 1</i>	3.673.376	3.481.092
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</i>	18.141.589	17.393.441
Cộng	30.989.329.112	15.522.130.005
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	2.025.843.808	1.255.010.858
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.100.725.500	844.074.623
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	306.622.029	266.871.612
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	467.403.567	143.254.623
<i>Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</i>	151.092.712	810.000
Cộng	2.025.843.808	1.255.010.858
3. Hàng tồn kho	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.402.348.447	8.106.146.742
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	1.718.389.572	1.883.430.565
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	9.683.958.875	6.222.716.177
Công cụ, dụng cụ	9.616.500	3.915.752
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	9.616.500	3.915.752
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.526.147.233	293.741.824
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	63.304.050.738	-
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	222.096.495	293.741.824
Thành phẩm	969.254.543	22.966.818.313
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	-	20.912.234.388
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	969.254.543	2.054.583.925
Hàng hoá	75.166.164.305	105.678.824.558
<i>Văn phòng Công ty</i>	12.938.472.120	96.121.604.604
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	1.071.951	5.217.733
<i>Chi nhánh TP Hồ Chí Minh</i>	44.427.388.213	9.552.002.221
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	17.799.232.021	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	151.073.531.028	137.049.447.189
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(754.731.823)
<i>Chi nhánh TP Hồ Chí Minh</i>	-	(754.731.823)
Tổng cộng giá trị thuần của hàng tồn kho	151.073.531.028	136.294.715.366
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	669.799	-
Cộng	669.799	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010
(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2010		48.757.335.901	101.830.074.571	6.846.701.295	1.240.525.608	158.674.637.375	
Mua trong năm	-	-	144.640.071	1.539.357.082	139.434.725	1.823.431.878	
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	(239.795.800)	(1.370.576.801)	(1.365.109.415)	(175.056.992)	(3.150.539.008)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2010		48.517.540.101	100.604.137.841	7.020.948.962	1.204.903.341	157.347.530.245	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2010		25.658.837.922	65.967.475.389	4.793.065.555	1.153.419.801	97.572.798.667	
Khấu hao trong năm	4.669.858.027	8.095.332.034	508.322.432	170.524.120	13.444.036.613		
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	(46.239.407)	(1.370.576.801)	(1.365.109.415)	(174.358.507)	(2.956.284.130)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2010		30.282.456.542	72.692.230.622	3.936.278.572	1.149.585.414	108.060.551.150	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2010		23.098.497.979	35.862.599.182	2.053.635.740	87.105.807	61.101.838.708	
Tại ngày 31/12/2010		18.235.083.559	27.911.907.219	3.084.670.390	55.317.927	49.286.979.095	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.635.822.382 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Chi phí san lấp mặt bằng	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2010	2.201.899.071	8.732.818.696	10.934.717.767
Mua trong năm	-	2.912.115.280	2.912.115.280
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.440.835.680)	(2.440.835.680)
Số dư ngày 31/12/2010	2.201.899.071	9.204.098.296	11.405.997.367
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2010	2.201.899.071	-	2.201.899.071
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	2.201.899.071	-	2.201.899.071
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2010	-	8.732.818.696	8.732.818.696
Tại ngày 31/12/2010	-	9.204.098.296	9.204.098.296

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	385.234.350	-
- Phân xưởng 2 Thọ Quang	385.234.350	-
Văn phòng Công ty	690.494.683	13.636.364
- Nhà làm việc văn phòng Chi nhánh TPHCM	671.794.683	-
- Phân xưởng 2 Thọ Quang	18.700.000	13.636.364
Cộng	1.075.729.033	13.636.364

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
a) Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
b) Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết				
<i>Công ty CP Thủy sản 584</i>				
<i>Nha Trang</i>	175.000	1.830.000.000	175.000	1.830.000.000
c) Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu				
<i>Ngân hàng TMCP Xuất</i>				
<i>nhập khẩu Việt Nam</i>	1.091.877	11.713.717.485	947.398	12.196.480.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

Công ty CP Thủy sản Quy Nhơn	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Công ty CP Xây lắp thủy sản Việt Nam	179.500	1.795.000.000	70.000	1.795.000.000

- Lý do thay đổi của khoản đầu tư dài hạn khác vào Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam:

+ Về số lượng: Số lượng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam cuối kỳ có sự thay đổi so với đầu kỳ là do trong năm 2010 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu là 189.479 cổ phiếu và trong năm 2010 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã bán 45.000 cổ phiếu đang nắm giữ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

+ Về giá trị: Giá trị cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam cuối kỳ có sự thay đổi so với đầu kỳ là do trong năm 2010 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã bán 45.000 cổ phiếu đang nắm giữ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, giá xuất bán được tính theo giá bình quân của tổng số cổ phiếu đang nắm giữ.

9. Vay và nợ ngắn hạn	Lãi suất/năm	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn		353.931.183.504	366.679.170.213
<i>Văn phòng Công ty</i>		<i>253.086.495.928</i>	<i>320.550.658.830</i>
<i>Tiền VND</i>		<i>2.402.362.599</i>	<i>127.843.926.372</i>
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Đà Nẵng		-	37.453.169.952
Ngân hàng Ngoại Thương Đà Nẵng	16,5%	547.024.451	48.991.489.076
Ngân hàng TMCP Hàng Hải ĐN		-	28.517.396.462
Ngân hàng Xăng Dầu		-	12.730.000.000
Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn	15,6%	1.769.290.792	-
Vay ngắn hạn khác	8,4%-12,0%	86.047.356	151.870.882
<i>Tiền USD</i>		<i>250.684.133.329</i>	<i>192.706.732.458</i>
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam CN Đà Nẵng		-	1.817.496.858
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Đà Nẵng	6,05%-6,52%	120.809.418.909	92.265.436.000
Ngân hàng Ngoại Thương Đà Nẵng	6,5%	65.854.543.603	39.186.535.567
Ngân hàng TM CP Quốc tế	6,4%	56.067.894.023	59.437.264.033
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Đà Nẵng	6,5%	122.001.594	-
Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn	5,8%-6,0%	7.830.275.200	-
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang		87.226.102.839	35.178.146.073
<i>Tiền VND</i>		<i>87.226.102.839</i>	<i>35.178.146.073</i>
Quỹ phát triển thành phố Đà Nẵng	10,5%-14,4%	24.290.000.000	2.960.000.000
Ngân hàng NN & PTNT thành phố Đà Nẵng	12,5%-14,0%	21.696.210.917	12.996.837.281
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN Đà Nẵng	12%-15,5%	29.591.313.339	9.251.954.554
Ngân hàng Quốc tế Đà Nẵng		-	1.571.396.301
Ngân hàng VID Public Đà Nẵng	15,5%-16,0%	6.252.801.772	8.397.957.937
Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn	12,5%	5.395.776.811	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>		13.618.584.737	10.950.365.310
<i>Tiền VND</i>		11.345.528.924	10.950.365.310
Vay ngắn hạn ngân hàng		11.340.702.295	10.945.538.681
<i>Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn</i>	15,6%	11.340.702.295	10.945.538.681
Vay ngắn hạn đối tượng khác	8,4%-12,0%	4.826.629	4.826.629
<i>Tiền USD</i>		2.273.055.813	-
<i>Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn</i>	5,8%-6,0%	2.273.055.813	-
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả		4.051.200.000	-
<i>Văn phòng Công ty</i>		2.613.600.000	-
<i>Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng</i>	12,0%	2.400.000.000	-
<i>Ngân hàng VID Public Đà Nẵng</i>	14,8%	213.600.000	-
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>		1.179.600.000	-
<i>Ngân hàng VID Public</i>	14,8%	1.179.600.000	-
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>		258.000.000	-
<i>Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn</i>	15,6%	258.000.000	-
Cộng		357.982.383.504	366.679.170.213

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	430.684.791	11.929.964.122
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.794.357.334	-
Thuế xuất nhập khẩu	218.136.553	729.136.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.517.270.068	1.138.521.114
Thuế thu nhập cá nhân	115.158.323	35.519.304
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.075.607.069	13.833.141.435

11. Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.537.819.885	281.839.261
Chi phí kiểm toán	135.000.000	150.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	133.028.245	131.839.261
Trích trước tiền thuế đất năm 2008-2010 của Thọ Quang	1.269.791.640	-
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	83.794.538	32.879.548
Chi phí hội nghị khách hàng	-	32.879.548
Chi thưởng khách hàng	45.900.000	-
Công tác phí	26.037.083	-
Chi phí trích trước khác	11.857.455	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>		737.646.981	512.633.639
Trích trước chi phí lãi vay		129.436.392	100.657.005
Trích trước phí tàu, bốc vác, kiểm định		608.210.589	411.976.634
Cộng		2.359.261.404	827.352.448
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Văn phòng Công ty		1.282.961.808	720.743.091
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang		833.667.140	360.769.388
Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản		406.892.966	572.972.698
Phải trả về cổ phần hoá		177.806.303	2.837.719.939
Chi nhánh TP HCM		36.434.965	14.198.702
Cộng		2.737.763.182	4.506.403.818
13. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất/năm	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
a) Vay dài hạn		21.313.673.472	32.494.573.472
<i>Văn phòng Công ty</i>		<i>19.512.800.000</i>	<i>24.640.000.000</i>
Tiền VND		19.512.800.000	24.640.000.000
<i>Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng</i>	12,0%	<i>212.800.000</i>	<i>640.000.000</i>
<i>Ngân hàng VID Public Đà Nẵng</i>	14,8%	<i>19.300.000.000</i>	<i>24.000.000.000</i>
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>		-	<i>3.822.000.000</i>
Tiền VND		-	3.822.000.000
<i>Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn</i>	15,6%	-	<i>3.822.000.000</i>
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>		<i>1.800.873.472</i>	<i>4.032.573.472</i>
Tiền VND		1.800.873.472	4.032.573.472
<i>Ngân hàng VID Public Đà Nẵng</i>	14,8%	<i>1.800.873.472</i>	<i>4.032.573.472</i>
b) Nợ dài hạn		2.158.115.890	3.585.023.406
Văn phòng Công ty			
<i>Vay cán bộ công nhân viên</i>	8,4%-12,0%	<i>2.158.115.890</i>	<i>3.585.023.406</i>
Cộng		23.471.789.362	36.079.596.878

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2009	75.600.000.000	3.502.694.950	79.102.694.950
Lãi trong năm trước	-	10.497.309.441	10.497.309.441
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	(4.475.394.339)	(4.475.394.339)
Số dư tại ngày 31/12/2009	75.600.000.000	9.524.610.052	85.124.610.052
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	22.874.466.868	22.874.466.868
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	(12.000.195.236)	(12.000.195.236)
Số dư tại ngày 31/12/2010	75.600.000.000	20.398.881.684	95.998.881.684

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	41.006.540.000	41.006.540.000
Vốn góp của các đối tượng khác	34.593.460.000	34.593.460.000
Cộng	75.600.000.000	75.600.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	75.600.000.000	75.600.000.000
Vốn góp đầu năm	75.600.000.000	75.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	75.600.000.000	75.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.185.543.000	3.502.694.950

d) Cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.560.000	7.560.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.560.000	7.560.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.560.000	7.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.560.000	7.560.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.560.000	7.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

e) Quỹ của công ty	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2010
Quỹ đầu tư phát triển	4.172.619.726	3.300.466.900	-	7.473.086.626
Quỹ dự phòng tài chính	749.625.821	432.386.807	-	1.182.012.628
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2010	Năm 2009	
		VND	VND	
Doanh thu hải sản đông lạnh		437.962.050.125	301.357.968.275	
Doanh thu hàng gia công xuất khẩu		-	400.462.963	
Doanh thu xuất khẩu vật tư		29.031.273.740	1.038.681.629.063	
Doanh thu bán hàng hoá		879.554.149.556	35.910.822.087	
Doanh thu khác		37.356.667.654	1.766.313.902	
Cộng		1.383.904.141.075	1.378.117.196.290	
16. Các khoản giảm trừ doanh thu		Năm 2010	Năm 2009	
		VND	VND	
<i>Văn phòng Công ty</i>		-	1.278.118.477	
Giảm giá hàng bán		-	352.924.327	
Hàng bán bị trả lại		-	925.194.150	
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>		1.776.278.334	848.694.150	
Giảm giá hàng bán		137.076.744	-	
Hàng bán bị trả lại		1.639.201.590	848.694.150	
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>		1.018.244.532	689.150.314	
Hàng bán bị trả lại		1.018.244.532	689.150.314	
<i>Chi nhánh TP HCM</i>		49.026.554	-	
Hàng bán bị trả lại		49.026.554	-	
Cộng		2.843.549.420	2.815.962.941	
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2010	Năm 2009	
		VND	VND	
Doanh thu thuần hải sản đông lạnh		436.185.771.791	300.156.349.798	
Doanh thu thuần hàng gia công xuất khẩu		-	400.462.963	
Doanh thu thuần xuất khẩu vật tư		29.031.273.740	1.037.756.434.913	
Doanh thu thuần bán hàng hoá		878.502.097.458	35.221.671.773	
Doanh thu thuần khác		37.341.448.666	1.766.313.902	
Cộng		1.381.060.591.655	1.375.301.233.349	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

18. Giá vốn hàng bán	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn hải sản đông lạnh	394.233.062.465	279.805.823.923
Giá vốn xuất khẩu vật tư	17.687.322.080	954.242.135.712
Giá vốn bán hàng hoá	814.021.545.810	27.224.040.155
Giá vốn khác	38.205.608.405	-
Cộng	1.264.147.538.760	1.261.271.999.790
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>20.579.815.769</i>	<i>13.894.534.537</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	164.594.659	183.161.386
Lãi góp vốn liên doanh	865.202.600	2.841.798.233
Chuyển nhượng CP Eximbank Việt Nam	264.237.485	-
Chuyển nhượng CP Công ty Đông Hải	-	216.000.000
Lãi quá hạn hợp đồng	8.419.870.708	3.846.832.741
Lãi khác	-	3.854.089
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.865.910.317	6.802.888.088
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	<i>1.249.780.989</i>	<i>8.004.649.430</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	217.485.312	478.887.342
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.032.295.677	7.525.762.088
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	<i>12.516.209</i>	<i>519.619.579</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.516.209	519.619.579
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>846.964.314</i>	<i>15.320.142</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	130.884.550	15.320.142
Lãi quá hạn hợp đồng	187.139.299	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	528.940.465	-
<i>Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>11.566.219.017</i>	<i>10.294.144.222</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	109.702.991	2.172.629.703
Lãi quá hạn hợp đồng	3.894.364.445	789.362.288
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.562.151.581	7.332.152.231
Cộng	34.255.296.298	32.728.267.910
20. Chi phí tài chính	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>39.449.705.723</i>	<i>49.779.270.922</i>
Chi phí lãi vay	19.958.500.220	20.370.891.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.491.205.503	29.408.379.156

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	<i>7.616.763.456</i>	<i>3.135.922.561</i>
Chi phí lãi vay	6.612.610.161	2.358.199.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.004.153.295	777.722.742
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	<i>1.386.428.034</i>	<i>1.781.041.343</i>
Chi phí lãi vay	1.339.843.117	1.646.345.848
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.584.917	134.695.495
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>398.548.309</i>	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	39.019.920	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	359.528.389	
<i>Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>186.076.588</i>	<i>689.639.977</i>
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	9.785.091	436.417.363,00
Lỗ chênh lệch tỷ giá	176.291.497	253.222.614
Cộng	49.037.522.110	55.385.874.803
21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng thu nhập trong năm	1.418.171.640.797	1.409.582.009.900
Tổng chi phí trong năm	1.392.014.168.675	1.397.797.736.256
Thu nhập không chịu thuế TNDN	865.202.600	2.811.539.800
Chi phí không tính thuế TNDN	5.164.361	
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	25.297.433.883	8.972.733.844
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	<i>(240.854.188)</i>	
<i>Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>25.538.288.071</i>	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.384.572.018	2.243.183.461
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo QĐ tại TT số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của BTC	3.101.566.764	956.223.008
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế không được miễn giảm theo QĐ tại TT số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của BTC	181.438.490	330.741.195
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	3.283.005.254	1.286.964.203

(Năm 2010 là năm thứ 2 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.874.466.868	10.497.309.441
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	22.874.466.868	10.497.309.441
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.560.000	7.560.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.026	1.389

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ	7.001.773.465	12.237.593.218

VIII Những thông tin khác**1. Những thông tin khác**

1.1 <i>Phải thu của khách hàng</i>	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	41.983.304.667	101.251.524.328
Calabria	1.993.426.008	-
Linea	957.644.929	-
Nichirei Japan	10.657.769.400	-
Sea World	1.948.566.634	-
Shun Fat	3.927.318.449	9.760.994.813
Fourseason	-	1.574.017.753
Frozen Trading	-	1.542.760.943
Veragel Italya	-	864.038.560
Marupesca ses	-	793.458.666
Công ty TNHH Thương mại Khôi Minh	4.959.350.992	3.526.148.118
Cty TNHH SX & TM An Phú	580.000.000	-
Cty CP Nhựa Bao Bi Nhơn Thành	314.000.000	-
Công ty CP Sản xuất & Xuất nhập khẩu bao bi Thăng Long	-	5.384.501.389
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Hoà Bình	-	4.534.265.171
Công ty Thương mại & Sản xuất Minh Phương	-	793.519.600
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại dịch vụ Nguyễn Phương	-	3.292.511.376
Công ty TNHH Đồng Á	10.227.352.084	29.672.696.508
Công ty CP Bao bi Thuận Phát	-	295.944.000
Cty CP Bê Tông Ly Tâm Dung Quất	588.984.660	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Cơ Sờ SX Kết Xốp An Phát	208.123.830	489.700.886
XN Nhựa Bao Bì thuộc Cty CN Hóa Chất Đà Nẵng	-	254.000.000
Công ty CP Bê Tông và Xây Lắp Điện	-	355.066.685
Nhà in Báo Nhân Dân Tại Đà Nẵng	-	593.032.923
Công ty Cổ Phần Nhựa Đà Nẵng	-	252.000.000
Công ty CP Phương Minh	275.994.055	290.591.700
Công ty TNHH Xổ số và Dịch vụ in Đà Nẵng	-	304.757.107
Công ty TNHH Tân Bình	545.953.540	956.130
Công ty CP Bao Bì Việt Phú	220.500.000	336.625.000
Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh	-	6.892.865.400
Công ty CP Bao Bì Hoàng Thạch	-	5.966.178.756
Công ty TNHH Bao Bì & TM Khánh Huệ	-	388.152.400
Hợp tác xã Kim Lân	-	1.269.887.500
Công ty CP Nhựa & Môi Trường Xanh An Phát	-	1.336.500.000
Xí nghiệp giấy Phát Đạt (DNTN)	-	399.948.000
Công ty xi măng Phúc Sơn	-	464.999.997
Công ty cổ phần Phương Trung	-	11.096.204.001
Công ty cổ phần giấy Quảng Bình	-	703.962.850
Công ty TNHH SX- TM Trường Sơn Sài Gòn	-	436.079.400
Công ty TNHH TM & SX Bao Bì Việt Đức	-	782.742.000
Xí Nghiệp SX Vò Bao XM Đà Nẵng	-	1.805.957.400
Công ty TNHH Hữu Sơn	222.275.841	222.275.841
Công ty TNHH Kiến Vinh	835.278.821	835.278.821
Công ty TNHH Quân Việt	740.220.080	740.220.080
Công ty TNHH Thiên Phúc	433.240.615	433.240.615
Công ty TNHH Việt Long	2.167.425.292	2.167.425.292
Các đối tượng khác	179.879.437	398.018.647
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	21.348.499.035	19.168.868.700
Seamark PLC, Seamark House	1.900.204.840	7.262.864.855
Channel Sea Food	-	2.282.837.957
Galana NV	-	861.571.672
Intercont Grosshandels GMBH	-	1.406.403.960
Minobe Swissan(m) sdn bhd	1.258.793.604	1.258.793.604
ShinTo Corporation	2.838.518.682	1.283.086.497
Focus Import, Export & Trade Agency	477.370.380	-
International Marketing Specialists INC	2.033.410.392	-
Mariscos Casteliar SL	1.872.223.344	-
Marubeni Corporation	-	4.813.310.155
Maruha Nichiro Seafoods. INC	6.291.289.134	-
Setraco NV	2.031.640.250	-
Thalasa Seafoods NV/SA	2.645.048.409	-
Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	5.084.254.006	4.892.252.914
Nguyễn Văn Nam	179.683.100	257.431.417
Trần Thị Năm	-	134.335.429

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

Nguyễn Thị Hân	90.000.000	90.000.000
Công ty CP Việt Pháp sản xuất Tags Proconco	664.086.237	783.446.131
Đặng Văn Đồi	252.912.819	422.919.402
Cao Kim Chi	94.977.979	42.014.698
Phan Phước Hậu	663.860.487	718.783.234
Lê Hữu Thiết	271.012.047	319.357.138
Nguyễn Ngọc Thanh	158.052.094	187.344.874
Hồ Văn Dũng	85.533.804	43.624.114
Hoàng Văn Nhung	294.808.423	45.999.533
Công ty TNHH Hải Hà	320.821.337	493.148.637
Phạm Văn Bé	179.776.778	10.134.284
Đình Văn Bi	263.186.577	53.962.045
Công ty TNHH Khoa Thành	72.909.980	159.197.333
Trần Thị Vân	-	138.040.267
Lê Ngọc Ánh	-	208.256.220
Mai Thị Tình	122.675.958	20.125.570
Huỳnh Văn Tài	41.517.798	28.487.785
Trần ngọc Bình	68.419.873	-
Phan thị Thu Hà	109.779.131	-
Nguyễn thị Oanh	130.975.362	-
Trần Quang Yên	301.355.521	-
Các đối tượng khác	717.908.701	735.644.803
Chi nhánh Hà Nội	50.440.869.374	7.904.494.854
Công ty Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Cần Thơ	-	7.623.494.854
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kiên Thạch	-	281.000.000
Công ty cổ phần Bao Bì Bim Sơn	1.190.000.000	-
Công ty CP sản xuất và XNK Bao Bì Thăng Long	12.700.428.709	-
Công ty cổ phần Nhựa, Bao Bì Vinh	5.562.596.760	-
Công ty cổ phần vận chuyển và bán hàng Casa	1.600.000.000	-
Công ty TNHH Đông Á	11.182.096.967	-
Công ty TNHH TM và sản xuất Bao Bì Duy Tấn Thành	319.234.500	-
Công ty cổ phần Bao Bì Hoàng Thạch	1.268.478.300	-
Công ty TNHH TM & sản xuất Minh Phương	7.335.349.262	-
Công ty TNHH SX- TM DV Nguyễn Phương	1.668.818.600	-
Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ	2.475.525.000	-
Công ty cổ phần Bao Bì Thanh Hoá	3.956.895.000	-
Công ty TNHH vận liệu cơ điện lạnh Triệu Vương	984.746.276	-
Các đối tượng khác	196.700.000	-
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	134.854.323.458	176.878.092.650
Công ty TNHH MTV PT Công nghệ Quốc tế Á Châu	1.587.816.371	-
Xí nghiệp tư nhân Vĩnh Hông	5.649.309	901.725.425
Công ty TNHH An Phát	-	3.221.867.924
Công ty TNHH Bảo Duy	-	22.046.978.966
Công ty TNHH Đại Toàn Thắng	7.260.633.470	17.579.466.339

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Công ty TNHH Dịch vụ Hợp Tiến	-	5.901.871.360
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	1.954.182.006	-
Công ty TNHH Dịch vụ Khải Hoàn	-	90.972.000
Công ty TNHH ĐT kỹ thuật và TM Quốc tế Gia Phát	2.554.954.088	-
Công ty TNHH Xây dựng - Đầu tư MEKONG	746.301.132	-
Công ty CP Xây dựng Phước Thành	1.776.912.520	-
Công ty TNHH Xây dựng Sông Mã	3.867.256.902	-
Công ty TNHH TM Đầu tư Xây dựng Thiên Lộc	135.883.515	-
Xí nghiệp Xây lắp số 2 - Công ty CP Xây lắp Thủy sản VN	2.341.478.274	-
Công ty TNHH TM SX XNK Hoàng Sơn	234.946.463	269.503.914
Công ty TNHH TM ĐT Lê Nguyễn	496.318.602	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Xây dựng	-	169.576.608
Công ty TNHH Thép Sao Việt	-	380.730.150
Công ty TNHH Trang trí quảng cáo nội thất Sài Gòn	-	3.345.876.691
Công ty TNHH Đầu tư phát triển công nghệ	-	3.915.844.791
Công ty TNHH TM DV Sao Nam An	8.301.886.955	5.935.499.865
Công ty TNHH Sản xuất tôn thương mại Tân Thành	-	15.733.995.522
Công ty TNHH TM Tân Hải Hưng	292.662.972	468.978.816
Công ty TNHH Cơ khí Tân Thành	-	6.336.468.320
Công ty TNHH TM Tân Vinh Thái	13.759.347.836	11.357.321.480
Công ty TNHH TM Vạn Phúc	-	3.871.014.822
Công ty CP Thép Vạn Thành	55.191.059.768	34.020.546.979
Công ty TNHH Cơ khí đóng tàu Hà Đức	4.731.440.752	4.931.440.752
Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Duy	18.034.270.749	21.807.476.471
Công ty CP XNK Thép Phú Lâm	10.994.961.290	12.382.117.794
Công ty TNHH Thực phẩm AMANDA	-	98.076.591
Công ty TNHH Chuỗi cung ứng DHL	100.460.573	98.611.920
Công ty CP Hiệp Minh - chi nhánh Cần Thơ	-	54.536.668
Cơ sở kinh doanh Gia cầm Ngọc Hà	20.633.874	60.817.204
Công ty TNHH TMDV Hải Diệp	52.805.756	254.584.341
Công ty TNHH Thanh Hùng	-	328.560.300
Công ty TNHH San Hà	165.157.571	8.864.524
Khoản thu lãi hợp đồng theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	-	535.507.359
Các đối tượng khác	247.302.710	769.258.754
Cộng	253.711.250.540	310.095.233.446

1.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Văn phòng Công ty	19.997.181.676	7.818.355.701
Trạm gia công hàng XK Đồng Hới	346.570.211	-
Công ty TNHH MTV CNTS Vinashin	615.887.494	583.648.718
Raccolta	-	3.763.136.053
Ciparo B.V	1.729.067.133	-
Union Camera Ltd	982.939.974	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

Mitsubishi Singapo , Japan	7.813.354.725	3.169.457.060
Ningbo	5.381.720.126	-
Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển An Phú	255.113.870	255.113.870
Cty CP kỹ thuật thủy sản	1.681.000.000	-
Cty TNHH XD&TM Đại Thiên Trường	158.000.000	-
Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt	96.928.143	-
Cty CP xây lắp & vật tư xây dựng	790.000.000	-
Các đối tượng khác	146.600.000	47.000.000
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	138.168.185	627.113.957
Công ty TNHH Minh Nhật Nguyễn	-	400.000.000
Hiệp hội CB và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam	-	99.316.429
Công ty Thủy sản 2 Quảng Ninh	84.171.120	84.171.120
Các đối tượng khác	53.997.065	43.626.408
Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	200.295.348	30.000
Công ty Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Quảng Nam	200.295.334	-
Các đối tượng khác	14	30.000
Chi nhánh TP HCM	64.538.899	77.480.602
Công ty ứng dụng kỹ thuật & SX	45.700.000	45.700.000
Các đối tượng khác	18.838.899	31.780.602
Cộng	20.400.184.108	8.522.980.260

1.3 Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Văn phòng Công ty	4.885.565.772	4.174.798.095
Công ty TNHH Hữu Sơn	222.275.841	222.275.841
Công ty TNHH SX Bao bì nhựa Kiến Vinh (1)	835.278.821	835.278.821
Công ty TNHH TM Quân Việt (2)	740.220.080	740.220.080
Công ty CP Bao bì xi măng Tam Điệp (3)	248.550	80.248.550
Công ty TNHH Thiên Phúc	100.274.767	70.192.337
Công ty TNHH Tự Lập	433.240.615	433.240.615
Công ty TNHH 1 thành viên Vinashin	386.601.806	276.144.147
Công ty TNHH nhựa Việt Long (4)	2.167.425.292	1.517.197.704
Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	397.990.128	250.458.895
Công ty TNHH TV & CGCN Việt Anh	48.040.570	29.412.171
Trần Thị Liễu Châu	30.719.621	30.719.620
Nguyễn Văn Cơ	36.187.227	25.331.059
Nguyễn Thị Hân	63.000.000	33.000.000
Trần Thị Liên	43.418.097	43.418.096
Hoàng Thị Lựu	35.046.031	25.132.880
Lê Thế	37.634.552	26.344.186

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Lê Chánh Cần	1.925.000	1.925.000
Nguyễn Văn Thành	6.762.854	35.175.883
Nguyễn Văn Nam	89.841.550	-
Hoàng Thị Lới	5.414.626	-
Chi nhánh TP HCM	23.618.610.954	19.550.617.509
Công ty TNHH Cơ khí đóng tàu Hà Đức	3.312.008.526	2.465.720.376
Công ty CP Xuất nhập khẩu thép Phú Lâm	7.682.612.903	6.181.158.897
Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Duy	12.623.989.525	10.903.738.236
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	692.525.158	522.534.267
Minobe Swisssaan	633.605.374	480.448.707
Công ty Thủy sản II - Quảng Ninh	58.919.784	42.085.560
Cộng	29.594.692.012	24.498.408.766

(1) Theo Quyết định số 122/2007/QĐST-KDTM ngày 16/7/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận sự thoả thuận của các đương sự giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung và Công ty TNHH sản xuất bao bì nhựa Kiến Vinh thì Công ty TNHH Sản xuất bao bì nhựa Kiến Vinh phải trả tiền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên Công ty TNHH Sản xuất bao bì nhựa Kiến Vinh đã không thi hành án theo quy định.

(2) Theo Bản án số 21/2008/KDTM-PT ngày 8/5/2008 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hoá" giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung với Công ty TNHH Thương mại Quân Việt thì Công ty TNHH Thương mại Quân Việt có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung. Tuy nhiên, Công ty TNHH Thương mại Quân Việt đã không thi hành bản án theo quy định.

(3) Theo Quyết định số 390/QĐ-THA ngày 04/9/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thi hành án dân sự giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung và Công ty CP Bao bì xi măng Tam Điệp thì Công ty CP Xi măng Tam Điệp phải trả tiền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2008 Công ty CP Bao bì xi măng Tam Điệp đã không thi hành án theo quy định.

(4) Theo Quyết định số 06/2008/QĐST-KDTM ngày 11/7/2008 của Tòa án nhân dân quận 5 thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận sự thoả thuận của các đương sự giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung và Công ty TNHH Nhựa Việt Long thì Công ty TNHH Nhựa Việt Long phải trả tiền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung trong thời gian 10 tháng kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2008 Công ty TNHH Nhựa Việt Long đã không thi hành án theo quy định.

1.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	213.903.060
Tạm ứng	259.176.915	182.764.023
Cộng	13.511.576.915	396.667.083

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)****1.5 Phải trả người bán**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Văn phòng Công ty	9.867.793.370	17.677.942.368
Công ty TNHH Thực phẩm Bốn Mùa	-	1.629.605.115
Konica Minolta Business , HK	1.455.370.995	2.595.129.768
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Hoà Bình	3.162.232.712	97.287.364
Công ty CP Xây lắp An Thịnh Phát	-	430.585.802
Cước vận chuyển	120.276.000	-
Công ty CP Xây lắp thủy sản Việt Nam	-	1.107.032.207
Công ty TNHH Nhựa Việt Long	117.040.928	114.120.104
Titan Trading Corp	520.156.700	-
Chi nhánh Công ty CP Thủy sản 4	4.100.181.088	10.174.659.135
Sanyo sales & Marketing Co., Japan	-	980.368.004
Công ty TNHH Tân Việt Mỹ	253.402.780	253.402.780
Các đối tượng khác	139.132.167	295.752.089
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	7.178.358.604	2.637.513.124
Xi nghiệp TD CBTS CamRanh	625.188.230	625.188.230
Công ty Cổ phần Đông Á	360.394.760	210.870.450
Công ty Kinh doanh xuất nhập khẩu giấy, in	-	114.089.250
Công ty TNHH thương mại CATO	31.647.000	-
Công ty CP ĐLLHVC tại Đà Nẵng	106.905.578	-
Shinto Corporation	-	476.634.959
CTy TNHH MAERSK Việt Nam	-	199.899.741
Cty CP Đông lạnh Quy Nhơn	1.999.628.879	84.488.921
NLHS chưa thanh toán	1.446.817.451	-
Công ty TNHH TM Phố Bình	106.075.750	48.250.000
Công ty TM&XL Cơ nhiệt điện lạnh Tâm Tiến Hưng	-	65.069.400
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	160.021.455	-
Công ty TNHH GTVTTMDV Hai Anh	105.218.300	-
Công ty CP Thủy sản Phú Minh Hưng	104.772.953	-
Công ty TNHH Phong Tín	881.069.587	-
Chi nhánh Cty TNHH Giao nhận HH Thời Đại tại DN	162.697.980	-
Công ty TNHH Hoàng Lan	69.206.500	-
Công ty cổ phần kim khí Miền Trung	354.551.285	-
Các đối tượng khác	664.162.896	813.022.173
Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	54.580.900	54.824.250
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	33.550.000	-
Xi nghiệp than Đà Nẵng	-	24.956.500
Công ty TNHH Hồng Hiệp Phát	-	12.600.000
Các đối tượng khác	21.030.900	17.267.750
Chi nhánh TP HCM	908.425.528	987.190.231
Công ty TNHH Đầu tư XD An Tiến Phát	379.434.873	-
Công ty TNHH SX TM DV Nguyễn Long	519.906.675	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2010****(tiếp theo)**

Công ty TNHH SX TM Tự Lập	-	983.294.031
Các đối tượng khác	9.083.980	3.896.200
Cộng	18.009.158.402	21.357.469.973
1.6 Người mua trả tiền trước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	582.477.306	254.249.849
Bùi Thị Hạnh Tâm	19.702.500	153.604.500
Cty CP Đầu tư Quốc tế An Phát	550.000.000	-
Các đối tượng khác	12.774.806	100.645.349
Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	606.593.165	633.771.242
Nguyễn Văn Dũng	217.887.746	284.502.905
Lê Ngân Phương	15.600.151	24.954.420
Nguyễn Thị Thắm	-	122.880.825
Trần Ngọc Vinh	13.143.868	60.638.000
Phạm Thị Dung	-	52.796.351
Nông Quang Liêm	-	57.299.537
Trần Chấn	120.056.113	-
Nguyễn thị Kim Nga	68.468.082	-
Trần Thanh Phong	137.847.932	-
Các đối tượng khác	33.589.273	30.699.204
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	622.474.795	322.956.839
Công ty TNHH TM DV Sao Nam An	123.946.118	63.591.875
Công ty TNHH MTV PT Công nghệ Quốc tế Á Châu	182.917.955	-
Công ty TNHH Bảo Duy	136.690.386	-
Cửa hàng mua bán phụ tùng ô tô Kim Cương	66.000.000	-
Kho Vận Sài Gòn	75.600.000	75.600.000
Doanh thu chưa thực hiện	-	169.576.608
Các đối tượng khác	37.320.336	14.188.356
Chi nhánh Hà Nội	-	4.320.000
Công ty TNHH Bao bì Hanpark	-	4.320.000
Cộng	1.811.545.266	1.215.297.930
1.7 Chi phí bán hàng	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	975.064.919	605.594.325
Chi phí vật liệu bán hàng	-	14.429.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.978.327.424	28.269.447.613
Chi phí khác bằng tiền	1.989.664.330	3.834.330.523
Cộng	36.943.056.673	32.723.801.644

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

1.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.831.966.781	14.830.963.089
Chi phí đồ dùng văn phòng	216.030.143	763.630.327
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.417.262.355	8.896.946.365
Thuế, phí và lệ phí	187.134.492	367.225.292
Chi phí dự phòng	5.096.283.352	15.356.873.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.607.091.159	3.380.748.638
Chi phí bằng tiền khác	3.890.027.931	4.590.113.923
Cộng	39.245.796.213	48.186.501.155
1.9 Thu nhập khác	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>2.545.383.829</i>	<i>1.496.415.178</i>
Thanh lý nhượng bán tài sản	140.000.000	245.499.999
Thanh lý nhượng bán nhà số 74 Lương Trúc Đàm, TP HCM	2.382.656.556	-
Thu nợ khó đòi đã xử lý	-	1.190.259.179
Thu nhập khác	22.727.273	60.656.000
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	<i>186.095.300</i>	<i>44.420.554</i>
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	<i>32.617.343</i>	<i>7.432.000</i>
<i>Chi nhánh TP HCM</i>	<i>65.042.010</i>	<i>4.240.909</i>
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>26.614.362</i>	
Cộng	2.855.752.844	1.552.508.641
1.10 Chi phí khác	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>2.628.675.105</i>	<i>184.685.606</i>
Chi thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	135.105.802
Thanh lý nhượng bán nhà số 74 Lương Trúc Đàm, TP HCM	2.623.510.744	-
Chi phí nộp phạt chậm nộp thuế và phạt giao thông	5.164.361	49.579.804
<i>Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang</i>	<i>11.579.814</i>	<i>8.426.891</i>
<i>Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản</i>	<i>-</i>	<i>36.446.367</i>
Cộng	2.640.254.919	229.558.864

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

(tiếp theo)

1.11 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam và được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính 2009. Một số chỉ tiêu đã được phân loại cho phù hợp với quyết định 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Kế toán trưởng



Trần Như Thiên My

Tổng giám đốc



Trần Tấn Tâm

